

Số: /TB-SXD

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

**V/v triển khai thủ tục kiểm tra chất lượng nhà nước
hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao**

Kính gửi:

- Chi cục Hải quan các khu vực (20 khu vực);
- Trung tâm hành chính công thành phố Đồng Nai;
- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Thực hiện Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử mới ban hành trong lĩnh vực đăng kiểm, vật liệu xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng thành phố Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1479/QĐ-UBND), Sở Xây dựng thông báo và triển khai thực hiện thủ tục hành chính “Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao” (mã số 1.115407) đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025.

2. Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng.

3. Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2026/NĐ-CP), đặc biệt là Điều 82, Điều 83 quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao.

4. Thông tư số 41/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

5. Quyết định số 1095/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

6. Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Về thủ tục hành chính được công bố

Kể từ ngày Quyết định số 1479/QĐ-UBND có hiệu lực (theo thời điểm có hiệu lực của Quyết định số 1095/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng), Sở

Xây dựng thành phố Đồng Nai là cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao (sau đây gọi tắt là cơ quan kiểm tra) đối với các trường hợp: nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh (hoặc nơi đặt văn phòng đại diện, chi nhánh, nhà máy sản xuất) tại thành phố Đồng Nai; nơi có cửa khẩu doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa; nơi doanh nghiệp làm thủ tục hải quan đối với lô hàng hóa trên địa bàn thành phố.

Thời gian giải quyết: 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Không quy định phí, lệ phí (theo Phụ lục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-UBND, phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP).

2. Về hồ sơ, trình tự thực hiện

a) Đối với hàng hóa nhập khẩu đã có giấy chứng nhận hợp quy: theo quy định tại mục 1.a Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD, tổ chức, cá nhân nhập khẩu nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo mẫu số 1 kèm theo Công văn này (mẫu số 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP), gồm:

- (i) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo mẫu số 1;
- (ii) Giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định cấp, trong đó có các thông tin liên quan đến hàng hóa nhập khẩu (trường hợp Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho lô hàng thì phải có các thông tin: tên hàng hóa; nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; khối lượng/số lượng; tờ khai hàng hóa nhập khẩu; hóa đơn);
- (iii) Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn);
- (iv) Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn. Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa; tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu chưa có giấy chứng nhận hợp quy: theo quy định tại mục 1.b Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD, tổ chức, cá nhân nhập khẩu nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo mẫu số 1 kèm theo Công văn này (mẫu số 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP), gồm:

- (i) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo mẫu số 1;
 - (ii) Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn);
 - (iii) Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.
- Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa; tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.
 - Sau khi đăng ký, tổ chức, cá nhân nhập khẩu làm thủ tục với cơ quan hải quan để đưa hàng hóa nhập khẩu về địa điểm bảo quản hàng hóa theo quy định của pháp luật hải quan, đồng

thời liên hệ với tổ chức chứng nhận được chỉ định để thực hiện đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; các bước kiểm tra tiếp theo được thực hiện theo trình tự quy định tại mục 1.b Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD (dẫn chiếu trình tự tại mục 1.a) sau khi hồ sơ được hoàn thiện đầy đủ.

- Sau khi được tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp Giấy chứng nhận hợp quy, tổ chức, cá nhân nhập khẩu nộp bổ sung Giấy chứng nhận hợp quy (kèm các thông tin liên quan đến lô hàng nhập khẩu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP) cho cơ quan kiểm tra để hoàn thiện hồ sơ; cơ quan kiểm tra xử lý theo trình tự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP nêu tại điểm d dưới đây.

c) Hình thức nộp hồ sơ: trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/> hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia (theo mục 2 Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD); trường hợp hệ thống gặp sự cố hoặc bất khả kháng, được nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm hành chính công thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 4 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và Điều 17 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP.

d) Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ và lập Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra theo mẫu số 2 kèm theo Công văn này (Mẫu số 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP - Quyết định số 1095/QĐ-BXD không quy định riêng mẫu này), xử lý theo trình tự tại mục 1.a Bước 2 Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD, với các trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo phiếu tiếp nhận (Mẫu số 2): trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan kiểm tra ban hành Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 3 kèm theo Công văn này (Mẫu số 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP), gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu để thực hiện thủ tục thông quan theo quy định tại mục 1.a Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo phiếu tiếp nhận (mẫu số 2): cơ quan kiểm tra xác nhận các nội dung còn thiếu trên phiếu tiếp nhận, đồng thời xác nhận việc tổ chức, cá nhân nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, theo quy định tại mục 1.a Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn hàng hóa: cơ quan kiểm tra yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu khắc phục trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, theo quy định tại mục 1.a Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD. Cơ quan kiểm tra chỉ ban hành Thông báo lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Mẫu số 3 khi có bằng chứng chứng minh việc khắc phục về nhãn theo quy định; trường hợp không khắc phục được, cơ quan kiểm tra ban hành Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về nhãn theo Mẫu số 3.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng Giấy chứng nhận hợp quy không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hoặc không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu: cơ quan kiểm tra ban hành Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Mẫu số 3, nêu rõ các nội dung không phù hợp, gửi tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan để xử lý theo thẩm quyền, theo quy định tại mục 1.a Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ban hành Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 3, trong đó ghi rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ”, gửi tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan, theo quy định tại mục 1.a Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD.

- Quá thời hạn nêu trên mà hồ sơ chưa được bổ sung đầy đủ, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành việc bổ sung hồ sơ; các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi hồ sơ được hoàn thiện đầy đủ, theo quy định tại mục 1.a Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD và quy trình nội bộ, quy trình điện tử ban hành kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-UBND.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, tham mưu ban hành Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu theo đúng quy trình nội bộ 04 bước và thời hạn từng bước quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-UBND (chi tiết tại Phụ lục II Công văn này); trường hợp Quyết định số 1479/QĐ-UBND hoặc Quyết định số 1095/QĐ-BXD được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó; Nghị định số 37/2026/NĐ-CP là căn cứ pháp lý về nội dung, thành phần hồ sơ và trình tự kiểm tra chất lượng.

2. Trung tâm hành chính công thành phố Đồng Nai tổ chức tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ điện tử/hồ sơ giấy đến Sở Xây dựng và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy trình điện tử đã công bố.

3. Đề nghị Cục Hải quan khu vực, Chi cục Hải quan cửa khẩu phối hợp cung cấp, đối chiếu thông tin tờ khai hải quan, hồ sơ lô hàng nhập khẩu và tiếp nhận Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu do Sở Xây dựng ban hành để làm cơ sở thông quan theo quy định tại khoản 5 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

4. Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu vật liệu xây dựng thuộc nhóm rủi ro cao (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 41/2026/TT-BXD) có trách nhiệm đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo đúng hồ sơ, trình tự nêu tại Mục II Công văn này trước khi làm thủ tục thông quan, lưu thông trên thị trường.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng (qua Phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận 01 cửa Văn phòng sở (phối hợp);
- VPS (đăng tải Cổng TTĐT Sở Xây dựng);
- Lưu: VT, QLHĐ&VLXD.namdt

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thành Phương

PHỤ LỤC I

HƯỚNG DẪN GHI NHÃN HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHẬP KHẨU

(Kèm theo Thông báo số /TB-SXD ngày tháng năm 2026
của Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai)

I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI GHI NHÃN

1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu (bao gồm đá ốp lát, kính xây dựng và các nhóm vật liệu xây dựng khác) thuộc đối tượng phải ghi nhãn theo Nghị định này, trừ trường hợp là vật liệu xây dựng không có bao bì và được bán trực tiếp cho người tiêu dùng (điểm g khoản 2 Điều 35).

Ví dụ: đá ốp lát, kính xây dựng nhập khẩu có bao bì thương phẩm (đóng kiện, đóng thùng, dán nhãn trên tấm/kiện hàng...) thuộc đối tượng bắt buộc ghi nhãn. Trường hợp hàng rời, không có bao bì thương phẩm, bán trực tiếp cho người tiêu dùng thì không bắt buộc ghi nhãn nhưng phải có hồ sơ, tài liệu kèm theo thể hiện đầy đủ nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt để thay thế nhãn hàng hóa (khoản 3 Điều 35).

2. Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao thuộc phạm vi thủ tục hành chính mã số 1.115407, việc kê khai, xuất trình thông tin nhãn hàng hóa là một trong các thành phần hồ sơ bắt buộc theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; cơ quan kiểm tra căn cứ nội dung nhãn để đối chiếu, xác định hồ sơ đầy đủ, hợp lệ khi tiếp nhận.

II. NGÔN NGỮ TRÌNH BÀY NHÃN, NHÃN PHỤ

1. Theo khoản 3 Điều 39 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam mà trên nhãn chưa thể hiện hoặc thể hiện chưa đủ những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt thì phải có nhãn phụ thể hiện những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt, đồng thời giữ nguyên nhãn gốc của hàng hóa. Nội dung ghi bằng tiếng Việt trên nhãn phụ phải tương ứng với nội dung ghi trên nhãn gốc.

2. Trường hợp nhãn chính (nhãn gốc) của hàng hóa do doanh nghiệp nước ngoài sản xuất được thể hiện bằng tiếng Anh, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải lập nhãn phụ đáp ứng các yêu cầu sau (Điều 40 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP):

a) Nhãn phụ phải được gắn trên hàng hóa hoặc bao bì thương phẩm của hàng hóa, không được che khuất những nội dung bắt buộc của nhãn gốc; có thể thể hiện bằng nhãn điện tử nhưng phải giữ nguyên nhãn gốc và chỉ dẫn rõ để người tiêu dùng nhận biết (khoản 2 Điều 40);

b) Nội dung ghi trên nhãn phụ là nội dung dịch ra tiếng Việt từ các nội dung bắt buộc đã thể hiện trên nhãn gốc (tiếng Anh), đồng thời bổ sung các nội dung bắt buộc khác còn thiếu theo tính chất của hàng hóa; tổ chức, cá nhân ghi nhãn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung ghi, bảo đảm không làm hiểu sai nội dung trên nhãn gốc và phản ánh đúng bản chất, nguồn gốc của hàng hóa (khoản 3 Điều 40);

c) Riêng tên và địa chỉ của doanh nghiệp nước ngoài được phép giữ nguyên bằng tiếng Anh (ngôn ngữ có gốc chữ cái La tinh), không bắt buộc phải dịch (điểm d khoản 4 Điều 39); các nội dung bắt buộc còn lại (tên hàng hóa, xuất xứ hàng hóa và nội dung bắt buộc khác theo tính chất hàng hóa) phải thể hiện bằng tiếng Việt trên nhãn phụ.

3. Những trường hợp không phải ghi nhãn phụ được quy định tại khoản 4 Điều 40 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP (linh kiện thay thế trong bảo hành không bán ra thị trường; nguyên

liệu, linh kiện nhập khẩu để sản xuất không bán ra thị trường; hàng mẫu phục vụ thử nghiệm, chứng nhận, giám định, nghiên cứu hoặc trưng bày hội chợ, triển lãm, không tiêu thụ trên thị trường; thiết bị hỗ trợ máy móc sản xuất nội bộ, không đưa ra thị trường).

III. NỘI DUNG BẮT BUỘC TRÊN NHÃN

1. Nhãn gốc của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam bắt buộc phải thể hiện bằng nhãn vật lý các nội dung sau bằng tiếng nước ngoài hoặc tiếng Việt khi làm thủ tục thông quan (khoản 2 Điều 42 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP):

- a) Tên hàng hóa;
- b) Xuất xứ hàng hóa (trường hợp không xác định được xuất xứ thì ghi nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hàng hóa theo khoản 3 Điều 47);
- c) Tên đầy đủ hoặc tên viết tắt và địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa ở nước ngoài.

2. Sau khi nhập khẩu, trước khi đưa hàng hóa vào lưu thông tại thị trường Việt Nam, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải bổ sung nhãn hàng hóa (nhãn phụ) ghi bằng tiếng Việt thể hiện đầy đủ các nội dung bắt buộc chung theo khoản 1 Điều 42, gồm:

- a) Tên hàng hóa;
- b) Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa — đối với hàng hóa nhập khẩu, ghi cả tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất ở nước ngoài và tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu (khoản 2 Điều 44);
- c) Xuất xứ hàng hóa;
- d) Các nội dung bắt buộc khác theo tính chất của từng loại vật liệu xây dựng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan (Thông tư số 41/2026/TT-BXD).

Lưu ý: nội dung bắt buộc riêng theo từng nhóm vật liệu xây dựng cụ thể (đá ốp lát, kính xây dựng...) căn cứ Phụ lục I Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và Phụ lục II Thông tư số 41/2026/TT-BXD; tổ chức, cá nhân nhập khẩu có trách nhiệm đối chiếu đầy đủ các phụ lục này khi ghi nhãn cho từng mặt hàng cụ thể.

IV. TRÁCH NHIỆM GHI NHÃN VÀ XỬ LÝ KHI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa, kể cả nhãn phụ, bảo đảm trung thực, rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng bản chất của hàng hóa (khoản 1 Điều 41 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP).

2. Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu, cơ quan kiểm tra đối chiếu ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo nội dung nhãn chính, và mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) do tổ chức, cá nhân nhập khẩu cung cấp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, làm cơ sở xác định hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn hàng hóa, cơ quan kiểm tra xử lý theo trình tự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP đã nêu tại Mục II Công văn này (khắc phục trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc; ban hành Thông báo theo Mẫu số 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP tương ứng với kết quả khắc phục).

PHỤ LỤC II
LƯU ĐỒ VÀ THỜI GIAN XỬ LÝ THỦ TỤC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG
HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHẬP KHẨU CÓ MỨC ĐỘ RỦI RO CAO

*(Kèm theo Thông báo số /TB-SXD ngày tháng năm 2026
của Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai)*

Căn cứ quy trình nội bộ 04 bước ban hành kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ – Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố;

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ – Chuyên viên Phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng;

Bước 3: Thẩm duyệt – Trưởng phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng ký thừa ủy quyền Giám đốc Sở theo Quyết định của Giám đốc Sở Xây dựng về việc ủy quyền;

Bước 4: Trả kết quả – Bộ phận trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố) và trình tự, thời hạn quy định tại Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-UBND, thời gian xử lý cụ thể đối với từng trường hợp phát sinh trong thực tế như sau:

1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần (đã có giấy chứng nhận hợp quy)

Bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra, lập Phiếu tiếp nhận theo Mẫu số 2	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố	01 giờ làm việc	Phiếu tiếp nhận hồ sơ (mẫu số 2) xác nhận đủ thành phần hồ sơ theo quy định
Bước 2	Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, Giấy chứng nhận hợp quy, nhãn hàng hóa với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	Chuyên viên Phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	04 giờ làm việc	Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra (Mẫu số 3)
Bước 3	Thẩm duyệt nội dung, ký Thông báo kết quả kiểm tra (Mẫu số 3)	Trưởng phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	02 giờ làm việc	Thông báo kết quả kiểm tra đáp ứng yêu cầu chất lượng, đã ký
Bước 4	Trả kết quả, cập nhật phần mềm, gửi tổ chức, cá nhân nhập khẩu	Bộ phận trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố	01 giờ làm việc	Tổ chức, cá nhân nhận Thông báo để làm thủ tục thông quan

Tổng thời gian giải quyết: 01 (một) ngày làm việc (08 giờ làm việc), kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

2. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ khi tiếp nhận (thiếu thành phần hồ sơ)

Bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu thành phần hồ sơ theo Mẫu số 2	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố	01 giờ làm việc	Xác định các nội dung còn thiếu
Bước 2	Kiểm tra, xác định cụ thể danh mục tài liệu còn thiếu	Chuyên viên Phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	04 giờ làm việc	Phiếu tiếp nhận (Mẫu số 2) xác nhận nội dung thiếu
Bước 3	Xác nhận bản đăng ký kiểm tra chất lượng	Trưởng phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	02 giờ làm việc	Phiếu tiếp nhận (Mẫu số 2) đã xác nhận nội dung thiếu
Bước 4	Xác nhận trên Phiếu tiếp nhận việc tổ chức, cá nhân đã đăng ký kiểm tra; trả Phiếu tiếp nhận	Bộ phận trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố	01 giờ làm việc	Tổ chức, cá nhân nhận Bản đăng ký và phiếu tiếp nhận, biết rõ nội dung cần bổ sung

Tổng thời gian xác nhận: 01 (một) ngày làm việc (08 giờ làm việc), kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: tối đa 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Căn cứ: điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Sau khi hồ sơ được bổ sung đầy đủ, chuyển xử lý theo Trường hợp 1, 3 hoặc 4 tương ứng với nội dung hồ sơ đã hoàn thiện.

3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn hàng hóa

Bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu tiếp nhận (Mẫu số 2) xác nhận hồ sơ đầy đủ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố	01 giờ làm việc	Phiếu tiếp nhận hồ sơ (Mẫu số 2) xác nhận đủ thành phần hồ sơ theo quy định
Bước 2	Kiểm tra, đối chiếu nhãn hàng hóa, xác định nội dung chưa đáp ứng	Chuyên viên Phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	04 giờ làm việc	Dự thảo văn bản yêu cầu khắc phục nhãn
Bước 3	Thẩm duyệt, ký văn bản yêu cầu khắc phục nhãn	Trưởng phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	02 giờ làm việc	Văn bản yêu cầu khắc phục về nhãn, đã ký
Bước 4	Gửi yêu cầu khắc phục cho	Bộ phận trả kết quả của Sở Xây dựng tại	01 giờ làm việc	Tổ chức, cá nhân nhận yêu cầu khắc

	tổ chức, cá nhân nhập khẩu	Trung tâm hành chính công thành phố	việc	phục
--	----------------------------	-------------------------------------	------	------

Thời gian ra yêu cầu khắc phục: 01 (một) ngày làm việc (08 giờ làm việc) kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời hạn khắc phục về nhân: tối đa 05 (năm) ngày làm việc.

Sau thời hạn khắc phục: nếu có bằng chứng khắc phục, thực hiện lại 04 bước như Trường hợp 1 (08 giờ làm việc) để ban hành Thông báo đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Mẫu số 3; nếu không khắc phục được, thực hiện lại 04 bước tương tự (08 giờ làm việc) để ban hành Thông báo không đáp ứng yêu cầu về nhân theo Mẫu số 3. Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

4. Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng Giấy chứng nhận hợp quy không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hoặc không phù hợp với hồ sơ lô hàng

Bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu tiếp nhận (Mẫu số 2) xác nhận hồ sơ đầy đủ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố	01 giờ làm việc	Phiếu tiếp nhận hồ sơ (Mẫu số 2) xác nhận đủ thành phần hồ sơ theo quy định
Bước 2	Kiểm tra, đối chiếu Giấy chứng nhận hợp quy với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và hồ sơ lô hàng, xác định nội dung không phù hợp	Chuyên viên Phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	04 giờ làm việc	Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra (Mẫu số 3) không đáp ứng yêu cầu chất lượng
Bước 3	Thẩm duyệt nội dung, ký Thông báo kết quả kiểm tra	Trưởng phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	02 giờ làm việc	Thông báo kết quả kiểm tra không đáp ứng yêu cầu chất lượng, đã ký
Bước 4	Trả kết quả, gửi tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan	Bộ phận trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố	01 giờ làm việc	Tổ chức, cá nhân và cơ quan hải quan nhận Thông báo để xử lý theo thẩm quyền

Tổng thời gian giải quyết: 01 (một) ngày làm việc (08 giờ làm việc), kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

5. Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định (quá 07 ngày làm việc)

Bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả
Bước	Rà soát hồ sơ đăng ký hết thời hạn bổ sung mà chưa	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây	01 giờ làm	Danh sách hồ sơ

1	hoàn thiện	dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố	việc	quá hạn bổ sung
Bước 2	Kiểm tra, xác nhận hồ sơ chưa hoàn thiện, dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra	Chuyên viên Phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	04 giờ làm việc	Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra (Mẫu số 3) ghi rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ”
Bước 3	Thẩm duyệt, ký Thông báo kết quả kiểm tra thừa ủy quyền Giám đốc Sở	Trưởng phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	02 giờ làm việc	Thông báo kết quả kiểm tra, đã ký
Bước 4	Trả kết quả, gửi tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan	Bộ phận trả kết quả của Sở Xây dựng tại hành chính công thành phố	01 giờ làm việc	Tổ chức, cá nhân và cơ quan hải quan nhận Thông báo

Tổng thời gian giải quyết: 01 (một) ngày làm việc (08 giờ làm việc), kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ (07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận). *Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức, cá nhân có văn bản nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành trước khi hết hạn, thời gian xử lý được tính lại kể từ thời điểm hồ sơ hoàn thiện đầy đủ.*

6. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa có Giấy chứng nhận hợp quy tại thời điểm đăng ký

Bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian giải quyết	Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký (chưa có Giấy chứng nhận hợp quy), lập Phiếu tiếp nhận theo Mẫu số 2	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công thành phố	01 giờ làm việc	Phiếu tiếp nhận hồ sơ, ghi nhận thiếu Giấy chứng nhận hợp quy
Bước 2	Kiểm tra thành phần hồ sơ đã nộp (đăng ký, ảnh/mô tả hàng hóa, nhãn)	Chuyên viên Phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	04 giờ làm việc	Dự thảo nội dung xác nhận đăng ký kiểm tra
Bước 3	Thẩm duyệt nội dung xác nhận	Trưởng phòng Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng	02 giờ làm việc	Nội dung xác nhận đã ký trên bản đăng ký kiểm tra
Bước 4	Xác nhận việc tổ chức, cá nhân đã đăng ký kiểm tra trên bản đăng ký (Mẫu số	Bộ phận trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành	01 giờ làm việc	Tổ chức, cá nhân nhận bản đăng ký đã xác nhận, làm

	1); trả kết quả	chính công thành phố		cơ sở để hải quan cho phép đưa hàng về địa điểm bảo quản
--	-----------------	----------------------	--	---

Tổng thời gian xác nhận: 01 (một) ngày làm việc (08 giờ làm việc), kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Sau khi xác nhận: tổ chức, cá nhân nhập khẩu làm thủ tục với cơ quan hải quan để đưa hàng hóa về địa điểm bảo quản theo pháp luật hải quan, đồng thời liên hệ tổ chức chứng nhận được chỉ định để đánh giá hợp quy (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết TTHC của Sở Xây dựng). Khi nộp bổ sung Giấy chứng nhận hợp quy, hồ sơ được xử lý tiếp theo trình tự tại Trường hợp 1, 3 hoặc 4 nêu trên (08 giờ làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). Căn cứ: khoản 2, khoản 3 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

Ghi chú: các mốc thời gian nêu trên được tính theo giờ làm việc hành chính; trường hợp thời điểm kết thúc bước xử lý trùng vào cuối giờ làm việc, được chuyển sang giờ làm việc tiếp theo liền kề. Toàn bộ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính không vượt quá 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với từng lần xử lý, theo đúng quy định tại Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai và Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.